TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/5/2023
V/v: Không công nhận vợ chồng giữa anh X và chị L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn X Chung, ông Nguyễn Tiến Chỉnh:

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 640/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Không công nhận là vợ chồng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX- ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình X, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: TH, xã NP, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2022 và trong các lời khai anh Nguyễn Đình X là nguyên đơn trình bày: Năm 1995 anh có tổ chức đám cưới và về chung sống với chị Phạm Thị L nhưng anh chị không đến UBND xã đăng ký kết hôn. Anh chị đã sống với nhau từ đó cho đến nay và sinh được 2 con trai Nguyễn Viết Nam, sinh năm 1998 và Nguyễn Viết Định, sinh năm 2000. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm sống cuộc sống chung không có hạnh phúc năm 2012 chị L đi nước ngoài năm 2016 về nước từ đó đến nay chị L đi đâu làm gì không nói cho anh biết và anh cũng không biết địa chỉ cụ thể là ở đâu. Chỉ có công việc gia đình, ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ tết chị L mới về thăm gia đình, anh có gặng hỏi nhiều lần nhưng chị L không cho biết là chị làm gì ở đâu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh có 2 con chung các con đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình X do công việc bận anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là chị Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án đã có công văn gửi Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an và Cục quản lý xuất nhập cảnh đã trả lời chị L không xuất cảnh. Tại biên bản xác minh ngày 29/12/2022 với Công an xã Nghĩa Phương cho biết chị Phạm Thị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tân Hương, xã Nghĩa Phương. Tại phiên tòa chị L vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh X chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật chị L không chấp hành các quy định của pháp luật. Qua biên bản xác minh với UBND xã Nghĩa Phương thì xác định anh X chị L không Đăng ký kết hôn L anh X không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Đình X và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

Về con chung*:* Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

1. *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đình X và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Chị L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Chị L đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về nội dung*: Anh X và chị L về chung sống với nhau năm 1995 anh chị không đến UBND xã đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong

tục địa phương. Cưới xong anh chị về chung sống với nhau hiện có con chung. Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2022 Tòa án đã xác minh với UBND xã Nghĩa Phương thì không có thông tin chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình X có đăng ký kết hôn. Các đương sự không cung cấp được giấy ĐKKH. Căn cứ vào các lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX xử không công nhận anh Nguyễn Đình X và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

Vì vậy xác mâu thuẫn giữa anh X chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài anh X chị L đã sống ly thân từ năm 2016 không còn quan hệ tình cảm và kinh tế, chị L cũng không ở cùng anh X và con chung nên chấp nhận yêu không công nhận vợ chồng của anh X theo quy định tại Điều 14,53 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về con chung:* Vợ chồng anh X chị L có 2 con chung các con đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung công nợ nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Anh X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Đình X và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Đình X phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 19/12/2022 theo biên lai thu số 0014291.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Nghĩa Phương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Tiến Chỉnh, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về "Không công nhận là vợ chồng", giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Quang, sinh năm 1979.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1981

Địa chỉ: Kỳ Anh, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Duy Quang và chị Nguyễn Thị Oanh là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Duy Quang nuôi con Nguyễn Hà My, sinh ngày 30/8/2006. Chị Nguyễn Thị Oanh nuôi con Nguyễn Duy Quang Huy, sinh 28/4/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi có quyết định của Tòa án chị Oanh anh Quang có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này

3..Về án phí: Anh Nguyễn Duy Quang phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 13/6/2022 theo biên lai thu số 0013838. Xác nhận anh Quang đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 17 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Chỉnh Đỗ Thị Hoài Mơ **Nguyễn Thị Lự**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn X Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa Trưởng, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Dung, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vắn Hóa Trưởng và chị Lưu Thị Dung

2. Về án phí: Anh Trưởng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn X Chung **Tạ Thị Thu Thủy**